CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

VI NA TA BA

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 32

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/6/2007.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020995, thay đổi lần thứ 16, ngày 04/9/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Chí Long	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 28/5/2020)
Ông Hoàng Đăng Tiến	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 27/5/2020)
Ông Đỗ Anh Ngọc	Thành viên
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 27/5/2020)

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Văn Chiến	Trưởng ban
Ông Quảng Thanh Bình	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Lê Chí Long – Chủ tịch Hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và tình hình tài chính riêng kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

6. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính riêng

Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 32, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Lê Chí Long
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Số: 018/2021/BCKT-HT.00099

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị**
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/3/2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

AFC Vietnam is a member Firm of the PKF international Limited network of legally independen firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions on the part of any other individual member firms or firms.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 16/3/2020.

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

NGUYỄN TRUNG THÀNH	**PHẠM QUANG KHẢI**
Phó Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề	Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 1673-2018-009-1	Kiểm toán số 4018-2019-009-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**8.734.361.524**	**53.553.459.631**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**8.607.566.243**	**1.460.231.514**
1. Tiền	111		5.520.604.730	460.231.514
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.086.961.513	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**126.795.281**	**49.333.423.565**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	8.250.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		100.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	26.795.281	49.325.173.565
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		-	**2.759.804.552**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	30.792.677
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	5.9	-	2.729.011.875
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**88.666.884.422**	**65.029.256.023**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**82.238.080**	**861.367.029**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	82.238.080	861.367.029
- Nguyên giá	222		157.000.000	1.565.802.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.761.920)	(704.435.471)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	-	-
- Nguyên giá	228		-	95.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(95.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**5.6**	**3.670.902.719**	**7.461.614.898**
- Nguyên giá	231		4.012.524.751	8.027.593.669
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(341.622.032)	(565.978.771)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**4.958.635.200**	**4.877.385.200**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	4.958.635.200	4.877.385.200
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.2**	**79.955.108.423**	**51.828.888.896**
1. Đầu tư vào công ty con	251		49.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		50.807.719.452	50.980.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.852.611.029)	(2.151.111.104)
II. Tài sản dài hạn khác	**260**		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**97.401.245.946**	**118.582.715.654**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.502.226.281**	**2.395.028.566**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**2.502.226.281**	**2.395.028.566**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	82.274.857	443.441
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	492.752.550	6.406.250
4. Phải trả người lao động	314		27.500.000	78.869.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	29.100.000	398.185.718
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	1.822.595.000	1.910.895.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		48.003.874	229.157
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**94.899.019.665**	**116.187.687.088**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	5.12	**94.899.019.665**	**116.187.687.088**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.000.000.000	114.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.000.000.000	114.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		497.638.934	497.638.934
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		472.910.044	472.910.044
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(20.071.529.313)	1.217.138.110
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.034.567.393	(10.001.748.326)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(21.106.096.706)	11.218.886.436
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**97.401.245.946**	**118.582.715.654**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	LÊ CHÍ LONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	6.1	**5.086.879.853**	**4.772.262.614**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	749.397.391
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10= 01-02)	**10**		**5.086.879.853**	**4.022.865.223**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	4.264.738.119	3.942.405.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	**20**		**822.141.734**	**80.459.225**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	548.748.245	12.386.075.236
7. Chi phí tài chính	22	6.5	20.702.403.527	(3.695.690.045)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	-	704.473.877
9. Chi phí quản lý kinh doanh	26	6.7	1.605.164.871	4.328.353.569
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**(20.936.678.419)**	**11.129.397.060**
11. Thu nhập khác	31	6.8	224.338	246.148.787
12. Chi phí khác	32	6.9	5.214.278	156.659.411
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(4.989.940)**	**89.489.376**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(20.941.668.359)**	**11.218.886.436**
15. Chi phí thuế TNDN	51	6.11	164.428.347	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**(21.106.096.706)**	**11.218.886.436**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	LÊ CHÍ LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**(20.941.668.359)**	**11.218.886.436**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		249.048.267	410.944.559
Các khoản dự phòng	03		20.701.499.925	(4.077.631.421)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.883.521.296)	(12.658.233.077)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(1.874.641.463)**	**(5.106.033.503)**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		64.216.242	3.136.993.807
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	1.996.445.933
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(47.086.552)	(1.879.766.800)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	311.622.572
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	28.237.793.251
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(50.868.797)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.729.011.875	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(133.796.000)	(531.534.701)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	***20***		***686.835.305***	***26.165.520.559***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		-	(43.809.673)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.745.061.672	708.791.165
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	46.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(49.000.000.000)	(100.280.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		49.300.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		603.737.752	14.526.557.142
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***6.548.799.424***	***(45.088.461.366)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động TC				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(88.300.000)	(302.110.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	***40***		***(88.300.000)***	***(302.110.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**7.147.334.729**	**(19.225.050.807)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**1.460.231.514**	**20.685.282.321**
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ QĐ ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**		**8.607.566.243**	**1.460.231.514**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	LÊ CHÍ LONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/6/2007.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020995, thay đổi lần thứ 16, ngày 04/9/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 115.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh thương mại và dịch vụ

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá, giấy, vật tư ngành in;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá, phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 04 (tại ngày 31/12/2019 là 05)

Các Công ty con tại ngày 31/12/2020, bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại Công ty con		
			% vốn góp	% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam	Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	100%	100%	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2020, bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại Công ty con		
			% vốn góp	% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Công ty Cổ Phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK5B, KĐT Mỗ Lao, Làng Việt Kiều Châu âu, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	43,00%	43,00%	43,00%
2	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An	Số 39, đường Hai Bà Trưng, Phường 1, Thành phố Tân An, Long An	24,27%	24,27%	24,27%

1.6. Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên doanh, liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

4.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

▪ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
▪ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

4.6. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 50 năm.

4.7. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.8. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

4.9. Vốn chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.10. Phân phối lợi nhuận:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.11. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.12. Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,… được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư, chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.13. Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4.14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó. Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	16.965.194	192.094.125
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.503.639.536	268.137.389
Các khoản tương đương tiền	3.086.961.513	1.000.000.000
Cộng	**8.607.566.243**	**1.460.231.514**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam	49.000.000.000	(3.019.208.196)	(*)	-	-	-
Cộng	**49.000.000.000**	**(3.019.208.196)**	**(*)**	-	-	-

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn	43.000.000.000	(18.862.302.833)	(*)	43.000.000.000	(2.151.111.104)	(*)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An	7.807.719.452	-	9.044.000.000	7.980.000.000	-	9.576.000.000
Cộng	**50.807.719.452**	**(18.862.302.833)**		**50.980.000.000**	**(2.151.111.104)**	

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	3.000.000.000	(971.100.000)	2.028.900.000	3.000.000.000	-	-
Cộng	**3.000.000.000**	**(971.100.000)**	**2.028.900.000**	**3.000.000.000**	-	-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thông tin về công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2020

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam	Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	100%	100%	Bán buôn thực phẩm

Thông tin về công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2020

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK5B, KĐT Mỗ Lao, Làng Việt Kiều Châu âu, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	43,00%	43,00%	Hoạt động tư vấn quản lý
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An	Số 39, đường Hai Bà Trưng, Phường 1, Thành phố Tân An, Long An	24,27%	24,27%	Sách và Thiết bị giáo dục

Thông tin về các khoản đầu tư khác của Công ty tại ngày 31/12/2020

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Lầu 1, 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	0,73%	0,73%	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay
	VND
Số dư đầu năm	(2.151.111.104)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	(20.701.499.925)
Hoàn nhập dự phòng	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-
Số dư cuối năm	**(22.852.611.029)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Phải thu người lao động	-	-	3.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	22.173.565	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	26.795.281	-	-	-
Phải thu khác	-	-	49.300.000.000	-
Cộng	**26.795.281**	**-**	**49.325.173.565**	**-**
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**-**	**-**	**-**	**-**

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	157.000.000	1.310.809.091	97.993.409	1.565.802.500
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.310.809.091)	(97.993.409)	(1.408.802.500)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**157.000.000**	**-**	**-**	**157.000.000**
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	52.333.344	554.108.718	97.993.409	704.435.471
- Khấu hao trong năm	22.428.576	93.595.266	-	116.023.842
- Thanh lý, nhượng bán	-	(647.703.984)	(97.993.409)	(745.697.393)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**74.761.920**	**-**	**-**	**74.761.920**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	104.666.656	756.700.373	-	861.367.029
Tại ngày cuối năm	**82.238.080**	**-**	**-**	**82.238.080**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	95.000.000	95.000.000
- Mua trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(95.000.000)	(95.000.000)
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	95.000.000	95.000.000
- Khấu hao trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(95.000.000)	(95.000.000)
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm		
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng;
- TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 đồng;

5.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
			VND	VND
Nguyên giá	**8.027.593.669**		**(4.015.068.918)**	**4.012.524.751**
- Nhà	8.027.593.669	-	(4.015.068.918)	4.012.524.751
Giá trị hao mòn lũy kế	**565.978.771**	**133.024.425**	**(357.381.164)**	**341.622.032**
- Nhà	565.978.771	133.024.425	(357.381.164)	341.622.032
Giá trị còn lại	**7.461.614.898**	**(133.024.425)**	**(3.657.687.754)**	**3.670.902.719**
- Nhà	7.461.614.898	(133.024.425)	(3.657.687.754)	3.670.902.719

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Dự án: Văn phòng Vinataba	**4.958.635.200**	**4.877.385.200**
+ Chi phí mua đất tại Khu 6B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	4.875.000.000	4.793.750.000
+ Chi phí thiết kế	83.635.200	83.635.200
Cộng	**4.958.635.200**	**4.877.385.200**

5.8. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
+ Công ty TNHH Giải Pháp Thương Mại Dịch Vụ Tân Đạt	1.024.857	1.024.857	443.441	443.441
+ Trần Ngọc Bảo Châu	81.250.000	81.250.000	-	-
Cộng	**82.274.857**	**82.274.857**	**443.441**	**443.441**
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
+ Thuế GTGT phải nộp	-	454.965.028	99.872.028	355.093.000
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	164.428.347	50.868.797	113.559.550
+ Thuế thu nhập cá nhân	6.406.250	72.399.346	54.705.596	24.100.000
+ Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**6.406.250**	**691.792.721**	**205.446.421**	**492.752.550**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thuế phải thu

	Đầu năm	Số đã được hoàn trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.729.011.875	2.729.011.875	-	-
Cộng	**2.729.011.875**	**2.729.011.875**	**-**	**-**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

5.10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Chi phí mua căn hộ Tây Nguyên Plaza trích trước	-	319.185.718
Các khoản trích trước khác	29.100.000	79.000.000
Cộng	**29.100.000**	**398.185.718**

5.11. Phải trả phải nộp khác ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.822.595.000	1.910.895.000
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-
Cộng	**1.822.595.000**	**1.910.895.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.12. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**114.000.000.000**	**497.638.934**	**472.910.044**	**(10.001.748.326)**	**104.968.800.652**
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	11.218.886.436	11.218.886.436
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	**114.000.000.000**	**497.638.934**	**472.910.044**	**1.217.138.110**	**116.187.687.088**
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	(21.106.096.706)	(21.106.096.706)
- Giảm khác	-	-	-	(182.570.717)	(182.570.717)
Số dư cuối năm nay	**114.000.000.000**	**497.638.934**	**472.910.044**	**(20.071.529.313)**	**94.899.019.665**

(*) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 03/NQ-VNTB ngày 25/5/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	114.000.000.000	114.000.000.000
Cộng	**114.000.000.000**	**114.000.000.000**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	114.000.000.000	114.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	114.000.000.000	114.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	182.570.717	-

Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	497.638.934	497.638.934
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	472.910.044	472.910.044

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	5.086.879.853	4.759.155.915
+ Doanh thu bán thanh lý BĐS ĐT	5.086.879.853	-
+ Doanh thu bán hàng hóa	-	4.759.155.915
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	13.106.699
+ Doanh thu dịch vụ vận chuyển	-	13.106.699
Cộng	**5.086.879.853**	**4.772.262.614**
Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	5.909.091
Hàng bán bị trả lại	-	743.488.300
Cộng	**-**	**749.397.391**

6.3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	3.931.345.343
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	13.109.929
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư	3.735.387.754	-
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	529.350.365	-
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	(2.049.274)
Cộng	**4.264.738.119**	**3.942.405.998**

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	401.828.793	2.157.989.557
Lãi bán các khoản đầu tư	-	10.227.156.575
Cổ tức, lợi nhuận được chia	146.919.452	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	929.104
Cộng	**548.748.245**	**12.386.075.236**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	57.156.990
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	20.701.499.925	2.151.111.104
Chi phí tài chính khác	903.602	322.735.112
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	(6.226.693.251)
Cộng	**20.702.403.527**	**(3.695.690.045)**

6.6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	-	407.537.865
Chi phí vật liệu, bao bì	-	7.794.818
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	12.005.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	105.302.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	69.317.379
Chi phí bằng tiền khác	-	102.516.292
Cộng	**-**	**704.473.877**

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	877.949.680	2.076.608.828
Chi phí vật liệu quản lý	-	48.134.006
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.217.603	40.622.314
Chi phí khấu hao TSCĐ	116.023.842	305.642.036
Thuế, phí và lệ phí	45.448.062	6.635.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.810.373	1.059.774.216
Chi phí bằng tiền khác	28.715.311	790.937.169
Cộng	**1.605.164.871**	**4.328.353.569**

6.8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	224.243	216.181.804
Các khoản khác	95	29.966.983
Cộng	**224.338**	**246.148.787**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	5.147.531	11.764.622
Các khoản bị phạt	66.747	93.554.890
Các khoản khác	-	51.339.899
Cộng	**5.214.278**	**156.659.411**

6.10. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.217.603	108.556.138
Chi phí nhân công	877.949.680	2.484.146.693
Chi phí khấu hao TSCĐ	249.048.267	410.944.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	973.836.313	1.129.091.595
Chi phí bằng tiền khác	28.715.311	893.453.461
Cộng	**2.166.767.174**	**5.026.192.446**

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	164.428.347	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**164.428.347**	**-**

6.12. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp	424.000.000	595.221.025

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
1	**Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam**		
+	Chuyển tiền góp vốn	49.000.000.000	-
2	**Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An**		
+	Nhận cổ tức	319.200.000	-

7.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin về bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất

7.4 Thông tin thuyết minh khác

Trong năm 2020, Công ty đã ngừng hoạt động kinh doanh thuốc lá vì không có nguồn hàng phù hợp và hoạt động kinh doanh không hiệu quả. Hiện tại, Công ty tập trung tái cấu trúc và tìm kiếm chiến lược kinh doanh mới.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	LÊ CHÍ LONG